
**KẸP QUAI 50/8-70/11mm², 95/16-120/19mm², 150/19-185/24mm²,
240/32mm²**

I. PHẠM VI ÁP DỤNG :

Tiêu chuẩn này được áp dụng cho kẹp quai

II. TIÊU CHUẨN :

- TCVN 3624 : Các mối nối tiếp xúc điện - Qui tắc nghiệm thu và phương pháp thử
- AS 1154 : Insulator and conductor fittings for overhead power lines.

III. MÔ TẢ :

- Kẹp quai dùng làm mối nối trung gian rẽ nhánh giữa dây đồng và dây nhôm hoặc dây nhôm lõi thép .

- Kẹp quai gồm 2 phần :

a/ Phần quai chữ U :

- + Vật liệu cấu thành : Đồng có độ dẫn điện cao
- + Tiết diện : 50mm²
- + Chiều dài tối thiểu của phần quai bắt vào kẹp hotline : 100 mm

b/ Phần kẹp nối lưỡng kim :

- + Loại : Đúc sẵn , ép bằng kềm thủy lực
- + Vật liệu cấu thành : Hợp kim nhôm có độ dẫn điện cao
- + Kẹp nối lưỡng kim dùng để nối quai đồng với dây nhôm lõi thép:
 - Loại 1: Thích hợp cho dây nhôm lõi thép có tiết diện từ 50/8mm² (đường kính ngoài từ 9,5-10mm) đến 70/11mm² (đường kính ngoài 11,2-11,7mm)
 - Loại 2: Thích hợp cho dây nhôm lõi thép có tiết diện từ 95/16mm² (đường kính ngoài 13,4-13,8mm) đến 120/19mm² (đường kính ngoài 14,8-15,3mm)
 - Loại 3: Thích hợp cho dây nhôm lõi thép có tiết diện từ 150/19mm² (đường kính ngoài 16,5-17,2mm) đến 185/24mm² (đường kính ngoài 18,7-19,2mm)
 - Loại 4 : Thích hợp cho dây nhôm lõi thép có tiết diện 240/32mm² (đường kính ngoài 21,5-22,1mm)
- + Rãnh tiếp xúc với dây nhôm lõi thép được bôi một lớp electrical jointing compound nhằm chống ăn mòn hoặc oxy hóa và đảm bảo điện trở tiếp xúc nhỏ .
- + Trên bề mặt kẹp nối phải có các ký hiệu sau :
 - Tên nhà sản xuất
 - Mã hiệu của kẹp nối rẽ.
 - Cỡ dây sử dụng

**KẸP QUAI 50/8-70/11mm², 95/16-120/19mm², 150/19-185/24mm²,
240/32mm²**

- Các vị trí ép.
- Cỡ đai ép
- Điện trở mối nối với dây nhôm lõi thép không vượt quá 75% điện trở của dây dẫn được nối có chiều dài tương đương.
- Điện trở mối nối với quai đồng không vượt quá 75% điện trở của dây đồng 50mm² có chiều dài tương đương.
- Dòng ổn định nhiệt trong 2 giây : 5,2KA
- Nhiệt độ ổn định khi kẹp quai mang dòng điện định mức : 90°C

IV. CÁC HẠNG MỤC THỬ NGHIỆM ĐIỂN HÌNH

- Thử chu kỳ nhiệt (*)
- Thử ổn định nhiệt (*)

(*) : các hạng mục bắt buộc thử khi mua sắm hàng hóa (Biên bản thử nghiệm điển hình phải đính kèm theo hồ sơ chào hàng)

V. BẢNG TÓM TẮT CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT :

STT	MÔ TẢ	ĐƠN VỊ	YÊU CẦU	CHÀO THẦU
1	Hạng mục			(*)
2	Nhà sản xuất			(*)
3	Nước sản xuất			(*)
4	Mã hiệu			(*)
5	Các yêu cầu kỹ thuật chung trong bản “YÊU CẦU KỸ THUẬT CHUNG”		Đáp ứng	(*)
6	Tiêu chuẩn sản xuất và thử nghiệm		TCVN 3624, AS 1154 hoặc tương đương	(*)
7	Chức năng của kẹp quai		Mối nối trung gian rẽ nhánh giữa dây đồng và dây nhôm hoặc dây nhôm lõi thép	(*)
8	Phần quai chữ U của kẹp quai : + Vật liệu cấu thành + Tiết diện + Chiều dài tối thiểu của	mm ² mm	Đồng có độ dẫn điện cao 50 100	(*)

KẸP QUAI 50/8-70/11mm², 95/16-120/19mm², 150/19-185/24mm²,
240/32mm²

	phần quai bắt vào kẹp hotline			
9	<p>Phần kẹp nối lưỡng kim :</p> <p>+ Loại</p> <p>+ Vật liệu cấu thành</p> <p>+ Kẹp nối lưỡng kim dùng để nối quai đồng với dây nhôm lõi thép.</p> <ul style="list-style-type: none">Loại 1: Thích hợp cho dây nhôm lõi thép có tiết diện từ 50/8mm² (đường kính ngoài từ 9,5-10mm) đến 70/11mm² (đường kính ngoài 11,2-11,7mm)Loại 2: Thích hợp cho dây nhôm lõi thép có tiết diện từ 95/16mm² (đường kính ngoài 13,4-13,8mm) đến 120/19mm² (đường kính ngoài 14,8-15,3mm)Loại 3: Thích hợp cho dây nhôm lõi thép có tiết diện từ 150/19mm² (đường kính ngoài 16,5-17,2mm) đến 185/24mm² (đường kính ngoài 18,7-19,2mm)Loại 4 : Thích hợp cho dây nhôm lõi thép có tiết diện 240/32mm² (đường kính ngoài 21,5-22,1mm) <p>+ Rãnh tiếp xúc với dây nhôm lõi thép được bôi một lớp electrical jointing compound nhằm chống ăn</p>		<p>Đúc sẵn , ép bằng kèm thủy lực</p> <p>Hợp kim nhôm có độ dẫn điện cao</p> <p>Đáp ứng</p> <p>Đáp ứng</p> <p>Đáp ứng</p> <p>Đáp ứng</p> <p>Đáp ứng</p>	(*)

**KẸP QUAI 50/8-70/11mm², 95/16-120/19mm², 150/19-185/24mm²,
240/32mm²**

	mòn hoặc oxy hóa và đảm bảo điện trở tiếp xúc nhỏ.			
10	Trên bề mặt kẹp nối phải có các ký hiệu sau : - Tên nhà sản xuất - Mã hiệu của kẹp nối rẽ - Cỡ dây sử dụng - Các vị trí ép - Cỡ đai ép		Đáp ứng	(*)
11	Điện trở mối nối với dây nhôm lõi thép không vượt quá 75% điện trở của dây dẫn được nối có chiều dài tương đương.		Đáp ứng	(*)
12	Dòng ổn định nhiệt trong 2 giây	KA	5,2	(*)
13	Nhiệt độ ổn định khi kẹp quai mang dòng điện định mức	°C	90	(*)

(*) : là các yêu cầu cơ bản

(**) : là các yêu cầu không cơ bản